

# F1-LD

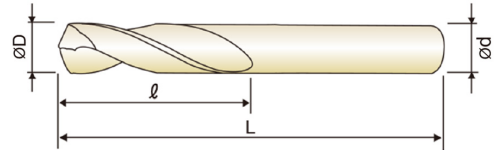


## Mũi khoan lưỡi dài F1

### F1 Premium Long Drills



- \* Chống mài mòn vượt trội nhờ sử dụng vật liệu luyện kim bột cao cấp.
- \* Thiết kế mũi đặc biệt, không cần lấy tâm trước khi khoan.
- \* Giảm độ lệch hướng và nâng cao độ chính xác của lỗ khoan.
- \* Tăng tuổi thọ dao nhờ lớp phủ hiệu suất cao.



Units : mm

OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)	OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)
2	24	3	56	-	4.4	47	6	89	-
2.1	24	3	56	-	4.5	47	6	89	-
2.2	25	3	56	-	4.6	47	6	89	-
2.3	25	3	56	-	4.7	47	6	89	-
2.4	30	3	61	-	4.8	52	6	94	-
2.5	30	3	61	-	4.9	52	6	94	-
2.6	30	3	61	-	5	52	6	94	-
2.7	33	3	64	-	5.1	52	6	94	-
2.8	33	3	64	-	5.2	52	6	94	-
2.9	33	3	64	-	5.3	52	6	94	-
3	33	3	64	-	5.4	57	6	99	-
3.1	36	4	68	-	5.5	57	6	99	-
3.2	36	4	68	-	5.6	57	6	99	-
3.3	36	4	68	-	5.7	57	6	99	-
3.4	39	4	71	-	5.8	57	6	99	-
3.5	39	4	71	-	5.9	57	6	99	-
3.6	39	4	71	-	6	57	6	99	-
3.7	39	4	71	-	6.1	63	8	107	-
3.8	43	4	75	-	6.2	63	8	107	-
3.9	43	4	75	-	6.3	63	8	107	-
4	43	4	75	-	6.4	63	8	107	-
4.1	43	6	85	-	6.5	63	8	107	-
4.2	43	6	85	-	6.6	63	8	107	-
4.3	47	6	89	-	6.7	63	8	107	-

Mục Lục Index
Mũi Tarco Taps
Mũi Khoan Drills
Dao Doa Reamers
Dao Phay SUPER Coating
Dao Phay SUPER PRO
Dao Phay HSSCo8
Dao Phay Diamond Coating
Phụ lục Appendix

# F1-LD



## Mũi khoan lưỡi dài F1

F1 Premium Long Drills

Units: mm

Mục Lục Index	Mũi Taro					Mũi Khoan				
	OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)	OD (D)	LOC (ℓ)	SD (d)	OAL (L)	Retail Price (VND)
Mũi Taro	6.8	69	8	113	-	10	87	10	137	-
	6.9	69	8	113	-	10.1	87	12	144	-
	7	69	8	113	-	10.2	87	12	144	-
Mũi Khoan Drills	7.1	69	8	113	-	10.3	87	12	144	-
	7.2	69	8	113	-	10.4	87	12	144	-
	7.3	69	8	113	-	10.5	87	12	144	-
	7.4	69	8	113	-	10.6	87	12	144	-
	7.5	69	8	113	-	10.7	94	12	151	-
	7.6	75	8	119	-	10.8	94	12	151	-
	7.7	75	8	119	-	10.9	94	12	151	-
	7.8	75	8	119	-	11	94	12	151	-
	7.9	75	8	119	-	11.1	94	12	151	-
	8	75	8	119	-	11.2	94	12	151	-
Dao Doa Reamers	8.1	75	10	125	-	11.3	94	12	151	-
	8.2	75	10	125	-	11.4	94	12	151	-
	8.3	75	10	125	-	11.5	94	12	151	-
	8.4	75	10	125	-	11.6	94	12	151	-
Dao Phay SUPER Coating	8.5	75	10	125	-	11.7	94	12	151	-
	8.6	81	10	131	-	11.8	94	12	151	-
	8.7	81	10	131	-	11.9	101	12	158	-
Dao Phay SUPER PRO	8.8	81	10	131	-	12	101	12	158	-
	8.9	81	10	131	-	12.1	101	12	158	-
	9	81	10	131	-	12.2	101	12	158	-
	9.1	81	10	131	-	12.3	101	12	158	-
Dao Phay HSSCo8	9.2	81	10	131	-	12.4	101	12	158	-
	9.3	81	10	131	-	12.5	101	12	158	-
	9.4	81	10	131	-	12.6	101	12	158	-
Dao Phay Diamond Coating	9.5	81	10	131	-	12.7	101	12	158	-
	9.6	87	10	137	-	12.8	101	12	158	-
	9.7	87	10	137	-	12.9	101	12	158	-
Phụ lục Appendix	9.8	87	10	137	-	13	101	12	158	-
	9.9	87	10	137	-					